

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TN-FRUIT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TN-FRUIT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TN-FRUIT IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110559672

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

CL 20-16 khu đất dịch vụ Đồng Đé, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903 202 129

Fax:

Email: [tn-fruits@gmail.com](mailto:tn-fruits@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                             | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                         | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                            | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn rau, quả                                                                                                                                                                         | 4632(Chính) |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                              | 0161        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                           | 0163        |
| 7.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                             | 0164        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                              | 0240        |
| 9.  | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                                                                                   | 0311        |
| 10. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                | 0312        |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                  | 0321        |
| 12. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                               | 0322        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu)<br>(trừ hoạt động đấu giá) | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                               | 4711 |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                            | 4719 |
| 17. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4721 |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng, nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4722 |
| 19. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1020 |
| 20. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1030 |
| 21. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1061 |
| 22. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1062 |
| 23. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ sản xuất thực phẩm tươi sống và không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                 | 1079 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                 | 4799 |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                      | 5210 |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG TRỌNG TUYÊN | Việt Nam  | Số nhà 35, ngõ 130/3, đường La Nội, tổ dân phố Quang Minh, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 245.000.000           | 49,000    | 001086032055                                                                                            |         |
| 2   | BÙI THỊ MAI NGÀ   | Việt Nam  | Số nhà 35, ngõ 130/3, đường La Nội, tổ dân phố Quang Minh, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 255.000.000           | 51,000    | 001188011835                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ MAI NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001188011835

Ngày cấp: 04/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 35, ngõ 130/3, đường La Nội, tổ dân phố Quang Minh, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 35, ngõ 130/3, đường La Nội, tổ dân phố Quang Minh, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội